

ĐỔI MỚI ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT CHO NGƯỜI HỌC Ở KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

TS. PHẠM THỊ BÌNH*

Ngày nhận bài: 22/05/2016; ngày sửa chữa: 24/05/2016; ngày duyệt đăng: 25/05/2016.

Abstract: Education reform to improve quality of training towards developing learner's competences is an important task of Faculty of Political Education in Universities. To do this task, the Faculty of Political Education must change teaching methods and forms, testing and assessment towards developing learner's competences. Coordination of these measures helps students promote their capacity, meeting the demand of society and working environment after graduating.

Keywords: capacity development, quality, personality.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục (GD) và đào tạo (ĐT), đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Từ quan điểm, mục tiêu, giải pháp phát triển GD được Nghị quyết đưa ra cho thấy, vấn đề có tính sống còn của bậc đại học là sản phẩm đầu ra của các ngành ĐT có đáp ứng được yêu cầu của xã hội hay không? Đối với khoa Giáo dục chính trị (GDCT) ở các trường đại học, đây cũng là vấn đề cần quan tâm hàng đầu. Với chức năng chính là ĐT giáo viên GD công dân, các khoa GDCT thời gian qua đã đạt được những thành tựu nhất định. Sau khi ra trường, đội ngũ giáo viên GD công dân đảm nhiệm tốt công việc giảng dạy ở các trường phổ thông và một số trường chuyên nghiệp. Nhiều giáo viên GD công dân đã trở thành cán bộ Đảng, cán bộ quản lý trong ngành GD, hoặc trở thành những giáo viên giỏi thực sự có uy tín với học sinh, với nhân dân nơi mình công tác. Thực tế đó đã khẳng định chất lượng ĐT của các khoa GDCT. Tuy nhiên, hiện nay, trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD và ĐT, các khoa GDCT đang đứng trước nhiều khó khăn, bộc lộ nhiều bất cập và cần có những định hướng chiến lược, các giải pháp để vượt qua khó khăn, vươn lên đáp ứng được đòi hỏi tất yếu của xã hội mà vấn đề cốt lõi là nâng cao chất lượng ĐT.

Theo chúng tôi, đổi mới để nâng cao chất lượng ĐT theo hướng phát triển năng lực (NL) và phẩm chất người học, các khoa GDCT cần tập trung vào những giải pháp sau:

1. Xác định mục tiêu ĐT

Mục tiêu GD là sự thể hiện những đòi hỏi của xã hội đối với con người cấu thành nguồn nhân lực mà GD có nhiệm vụ phải ĐT. Mục tiêu GD hiện nay được xác định là “*nhằm phát triển NL và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề*” [1]. Quan điểm chỉ đạo của Đảng ta là “*Chuyển mạnh quá trình GD từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện NL và phẩm chất người học*” [1]. Mục tiêu GD như vậy phải được cụ thể hóa, tường minh về yêu cầu chất lượng sản phẩm ĐT ở từng cấp học, bậc học.

NL được định nghĩa theo rất nhiều cách khác nhau dựa trên sự lựa chọn các loại dấu hiệu khác nhau (chẳng hạn, định nghĩa dựa trên dấu hiệu tổ chất tâm lí hoặc dựa trên các yếu tố tạo thành khả năng hành động...). Nhưng theo nghĩa thông dụng nhất, NL “*được hiểu như sự thành thạo, khả năng thực hiện của cá nhân đối với một công việc*” [2]. Như thế, “*NL vừa hàm chứa những yếu tố mặc định, cốt lõi, vừa tiềm ẩn những khả năng linh hoạt, thích ứng và sáng tạo*” [2].

Ở bậc đại học, với mục tiêu phát triển NL của người học, nghĩa là mục tiêu này phải mô tả được NL đầu ra của sinh viên (SV), thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú trọng NL vận dụng tri thức của người học vào giải quyết những tình huống của thực tiễn cuộc sống; đồng thời đặc biệt nhấn mạnh vai trò của người học với tư cách là chủ thể năng động, sáng tạo của quá trình nhận thức. Đối với SV khoa GDCT, đầu ra không chỉ là những giáo viên GD công dân mà còn là những người hoạt động trên nhiều lĩnh vực như: công tác

* Trường Đại học Vinh

Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... NL, nhân cách mà chúng ta ĐT ở đây vừa là NL, nhân cách của người giáo viên vừa là NL, nhân cách của những người hoạt động xã hội. Đặc biệt, với mục tiêu là phát triển NL và nhân cách cho người học, bản thân các giáo viên tương lai trước hết phải là những người được phát triển NL, nhân cách và phải biết cách phát triển NL, nhân cách cho học sinh - đối tượng dạy học (DH) của họ sau này. Xác định mục tiêu ĐT như vậy sẽ chi phối việc xây dựng chương trình và nội dung ĐT của các khoa GDCT. Tuy nhiên, theo chúng tôi, NL của giáo viên đã được xác định tương đối tương minh nhưng các NL hoạt động xã hội của SV sư phạm nói chung và SV khoa GDCT nói riêng thì cho đến hiện nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, có tính chuyên sâu. Do vậy, các khoa GDCT cần quan tâm đầu tư nghiên cứu để cụ thể hóa, tường minh NL hoạt động xã hội, chỉ ra yêu cầu chất lượng sản phẩm ĐT để mô tả được, "thi công" và đánh giá được trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

2. Xây dựng chương trình, nội dung ĐT

Các khoa GDCT ở các trường đại học đều có lịch sử ra đời và phát triển chưa dài. Nhưng chương trình ĐT hiện nay của một số khoa GDCT của một số trường đại học đã có nhiều thay đổi so với những năm đầu thành lập, nhất là ở những trường chuyển đổi phương thức ĐT theo hệ thống tín chỉ. Tuy nhiên, theo chúng tôi vẫn rất cần có một sự thay đổi nhiều hơn nữa theo hướng hiện đại hóa nội dung và chú trọng ĐT nghề, rèn luyện các NL hoạt động thực tiễn cho SV. Nếu chương trình ĐT được xây dựng theo hướng phát huy NL người học như vậy, SV khoa GDCT sau khi ra trường có thể hòa nhập môi trường làm việc nhanh và hiệu quả.

Hiện nay, trong điều kiện của ĐT tín chỉ, chương trình ĐT của các khoa GDCT cần có sự đổi mới theo hướng mềm dẻo, liên thông và có tính thực tiễn cao. Ngoài những môn học cơ sở nền tảng cường các môn chuyên ngành có giá trị thực tiễn, bên cạnh các học phần "cứng" cần có một hệ thống các học phần "mềm", tự chọn; mạnh dạn bớt những học phần có tính hàn lâm, nặng về lý thuyết để tăng thêm các học phần có tính thực tiễn cao, giúp SV được "thực hành", trải nghiệm. Đối với SV khoa GDCT, thông qua "thực hành", trải nghiệm sẽ rèn luyện cho các em các kĩ năng (KN) vô cùng cần thiết: KN của người giáo viên, KN của người hoạt động trong lĩnh vực chính trị - xã hội.

Đối với SV các ngành sư phạm nói chung, tỉ lệ các học phần dành cho rèn nghề, luyện KN sư phạm chiếm khoảng 30-35% trong số các học phần là sự lựa chọn phù hợp. Đó là thời lượng của

các học phần như: *Lí luận DH bộ môn, Phương pháp dạy học (PPDH) GDCT, Phân tích sách giáo khoa, Rèn luyện KN sư phạm, Thực hành PPDH GD công dân, Kiến tập sư phạm, Thực hành sư phạm ở trường phổ thông, Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp,...*

Còn tính liên thông chính là tạo điều kiện cho SV khoa GDCT có thể đăng kí học ngành 2 - ngành sát với chuyên môn của các em đang được ĐT như *Công tác xã hội, Chính trị học, Luật học...* và ngược lại các SV đang theo học các ngành gắn với chuyên ngành GDCT có thể đăng kí học chuyên ngành này.

Ngoài ra, chương trình dành cho SV khoa GDCT còn nên thiết kế thêm các học phần như: Xử lí các tình huống chính trị, Công tác Đảng, đoàn thể trong trường học; Văn bản hành chính công vụ; GD KN sống; Tham quan thực tế chuyên môn... Chương trình ĐT cũng cần có độ mềm dẻo để được thường xuyên có những thay đổi, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với nhu cầu xã hội và thực tế công tác ĐT của các khoa GDCT.

3. Phương pháp (PP) và hình thức tổ chức DH

Vấn đề đổi mới PPDH đã được đề cập rất nhiều trong các hội thảo GD. Ở đây, chúng tôi chỉ nhấn mạnh một số vấn đề:

3.1. DH ở bậc đại học là quá trình khơi dậy tiềm năng vốn có của SV, phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo ở các em bằng các PPDH tích cực. Đồng thời, thông qua các PPDH tích cực, giảng viên (GV) phải dạy cách học, PP tự học cho SV. Dạy cách học, PP học phải trở thành một trong những mục tiêu ĐT chứ không chỉ là một trong những giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả ĐT. Các PPDH truyền thống như PP vấn đáp, PP hướng dẫn tự học... có thể góp phần thực hiện tốt mục tiêu này. Do vậy, PPDH tích cực không chỉ là các PPDH hiện đại mà còn bao gồm các PPDH truyền thống.

3.2. Để phát huy được tính tích cực, chủ động của người học phụ thuộc rất nhiều vào cách sử dụng PP của người dạy, chứ không phải do bản thân PP đó. Vấn đề đặt ra là GV sẽ lựa chọn và sử dụng PPDH như thế nào để SV được hoạt động tích cực về mặt nhận thức cũng như thực hành để khám phá ra tri thức mới. Việc lựa chọn và sử dụng các PP theo hướng này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố: nội dung bài học, đối tượng SV, cơ sở vật chất của nhà trường... Theo lí luận DH, các PP thực hành thường "tích cực" hơn PP dùng lời. Nhưng do tính đặc thù của hoạt động DH ở đại học và tri thức chuyên ngành GDCT nên GV không thể không sử dụng PP dùng lời - chủ yếu là PP thuyết trình. Tuy nhiên, cũng không nên quan niệm một cách cứng nhắc hay so sánh tác dụng của các PP mà vấn đề ở đây là GV sử dụng PP

này như thế nào để đạt được hiệu quả cao trong dạy học. Thực tế đã và đang cho thấy, có những giờ giảng - thuyết trình khiến SV say mê, các em bị lôi cuốn thực sự. Về hình thức, ai cũng nhận ra đó là PP dùng lời - thuyết trình, nhưng bên trong đã thể hiện mức độ tích cực nhận thức của SV: khả năng tập trung theo dõi, ghi chép, suy nghĩ theo lời giảng của GV... Không khí của lớp học không sôi động như giờ học thực hành nhưng thực sự là "ngọn lửa" trí tuệ, nhiệt tình của GV đang đốt cháy các em, ở đó trí tuệ và khả năng tư duy của các em đang được phát huy tối đa. Như vậy, trong giảng dạy nhiều môn học của khoa GDCT, GV vẫn rất cần sử dụng PP thuyết trình nhưng để tránh sự nhàm chán, đơn điệu trong DH, GV nên vận dụng theo hướng tích cực hóa PP thuyết trình. Đó là sự kết hợp khéo léo PP thuyết trình với PPDH nêu vấn đề, đàm thoại, trực quan...

3.3. Đổi mới PPDH phải đi đôi với đổi mới nội dung, đổi mới trang thiết bị của quá trình DH, đặc biệt là hình thức tổ chức DH. Đối với các học phần thiên về trang bị KN, rèn luyện NL hoạt động cho SV nhất thiết phải thay đổi hình thức tổ chức DH như: Rèn luyện KN sư phạm, Thực hành PPDH GD công dân; Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp; Công tác Đảng, đoàn thể trong trường học; GD KN sống... Hình thức tổ chức DH, kiểu kết cấu phòng học, các thiết bị DH phải bố trí cách khác, phù hợp với mục đích DH của các học phần này. Có như vậy, GV mới vận dụng được PPDH theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của SV, tạo cơ hội để các em thực sự trở thành chủ thể của hoạt động học tập, nghiên cứu và trải nghiệm. Đó là các PP: làm việc nhóm, PP dự án hoặc các PP thực hành... Đa dạng hóa các hình thức tổ chức DH như vậy, kết hợp với tăng cường các hoạt động xã hội của SV, phát huy vai trò của hoạt động tập thể, nhóm nhỏ và cá nhân, giữa DH (môn học) bắt buộc và tự chọn sẽ vừa phát triển NL cá nhân vừa đảm bảo chất lượng GD nói chung cho mọi SV ngành GDCT.

4. Đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá của GV

Hoạt động này phải nhằm đánh giá đúng được NL người học và sử dụng kết quả đánh giá một cách hợp lý. Để nâng cao kết quả kiểm tra, đánh giá, GV nên kết hợp các PP và hình thức kiểm tra, đánh giá. Kết hợp các PP kiểm tra vấn đáp, viết và thực hành để rèn luyện KN thuyết trình, viết và thực hành. Bên cạnh đó cần kết hợp các hình thức kiểm tra, đánh giá như tự luận và trắc nghiệm để có cơ sở đánh giá toàn diện SV. Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần phải minh bạch, rõ ràng tạo điều kiện cho SV yên tâm phấn đấu trong học tập và rèn luyện. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập có ý nghĩa quan trọng trong ĐT giáo viên các khoa

GDCT bởi hoạt động này nâng cao tính hứng thú, tính tích cực trong học tập, nghiên cứu của SV, gắn lí luận với thực tiễn nghề nghiệp; giúp các em chủ động, tự tin trong rèn luyện KN, trau dồi nghề nghiệp tương lai một cách vững vàng, đáp ứng được yêu cầu của xã hội sau khi ra trường.

Quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW của Đảng, các khoa sư phạm, trong đó có khoa GDCT ở các trường đại học đảm nhiệm vai trò, chức năng là "máy cày" tạo ra sản phẩm là giáo viên, phải nhận thức rõ tính cấp thiết của việc nghiên cứu để xác định mục tiêu ĐT rõ ràng, mô tả được NL đầu ra của SV. Trên cơ sở đó, các khoa GDCT cần xây dựng chương trình, nội dung ĐT hiện đại, gắn với yêu cầu của thực tiễn; đổi mới hình thức tổ chức ĐT, PP giảng dạy và kiểm tra, đánh giá... đáp ứng yêu cầu của xã hội. Sự đổi mới đồng bộ và hợp lý như vậy chắc chắn sẽ góp phần nâng cao chất lượng ĐT của các khoa GDCT nhằm đảm bảo thực hiện được mục tiêu tức là kết quả đầu ra của SV như mong muốn. Hay nói cách khác, sự đổi mới như vậy sẽ tạo nên môi trường ĐT tốt nhất để SV phát huy vai trò chủ thể và tính tích cực, chủ động của các em trong quá trình học tập và rèn luyện. Đó cũng là điều kiện thiết yếu để những phẩm chất, NL cần thiết của người giáo viên và NL hoạt động xã hội được hình thành và phát triển ở SV. Tất nhiên, cùng với đó còn là vấn đề chính bản thân các khoa GDCT phải xây dựng được đội ngũ GV mạnh về chuyên môn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi về NL nghiệp vụ sư phạm, thật sự năng động, tâm huyết với nghề - coi đây là khâu then chốt, là lực lượng chủ công để nâng cao chất lượng ĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [2] Nguyễn Trọng Hoàn (2014). *Một số suy nghĩ về việc dạy Ngữ văn ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực.* Tạp chí Giáo dục, số 340, tr 36.
- [3] Chính phủ (2012). *Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020*, (ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ).
- [4] Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Đắc Hưng (2014). *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai - vấn đề và giải pháp.* NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Phạm Xuân Thanh (2005). *"Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học: sự vận dụng vào thực tiễn Việt Nam"*. Tạp chí Giáo dục, số 115.